

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **869/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-11-2019.
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà N.T.L.L.

2. Bà V.T.H.

- Thư ký phiên tòa: Ông N.A.T – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà N.T.D.T – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, TP.HCM.(có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: đường S, Phường A, Quận Y, TP.HCM.(vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị K trình bày: Chị K và Anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 129, quyển số 01/2005 ngày 08/8/2005 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, cả hai chung sống tại nhà của Anh T, địa chỉ đường S, Phường A, Quận Y, TP.HCM. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường, từ đầu năm 2014 do Anh T thường xuyên tham gia đánh bạc như cá độ đá banh, vì vậy nợ rất nhiều người nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, xảy ra nhiều bất đồng quan điểm gia đình, Anh T cũng đã bỏ trốn vì có nhiều người đến đòi nợ, giữa năm 2014 Chị K cùng con gái đã bỏ về nhà mẹ

ruột ở Huyện H sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Kể từ khi Chị K và con gái về nhà cha mẹ ở huyện H sinh sống thì Anh T đã không quan tâm chăm sóc gia đình, không đến thăm con.

Ngày 30/8/2018 Tòa án nhân dân Quận Y đã thụ lý đơn yêu cầu việc dân sự của Chị K về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Anh T mất tích và ngày 08/3/2019 Tòa án nhân dân Quận Y có Quyết định số 69/2019/QĐST-DS đã tuyên bố Anh T mất tích.

Nay Chị K xác định không còn tình cảm với Anh T, nên anh yêu cầu được ly hôn với Anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung; Tên: T.B.T, sinh ngày 28/5/2006, Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Chị K không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn: Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như trình tự thủ tục tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung chấp nhận yêu cầu của Chị K, giao con chung T.B.T, sinh ngày 28/5/2006 cho Chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, Chị K không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, các đương sự tự khai không có nên không giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Ngày 08/3/2019 Tòa án nhân dân Quận Y ban hành Quyết định số 69/2019/QĐST-DS đã tuyên bố Anh T mất tích, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản

tổ tụng theo trình tự luật định tại nơi cư trú sau cùng của Anh T trong vụ án ly hôn để triệu tập bị đơn đến Tòa án vào các ngày 22/8/2019, 20/9/2019, 11/10/2019 và 25/11/2019 nhưng bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề ngày 18/4/2019 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và Anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 129, quyển 01/2005 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/8/2005 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, từ đầu năm 2014 do Anh T thường xuyên tham gia đánh bạc như cá độ đá banh, vì vậy nợ rất nhiều người nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, xảy ra nhiều bất đồng quan điểm gia đình, Anh T cũng đã bỏ trốn vì có nhiều người đến đòi nợ, giữa năm 2014 Chị K cùng con gái đã bỏ về nhà mẹ ruột ở Huyện H sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay.

Kể từ khi Chị K và con gái về nhà cha mẹ ở huyện H sinh sống thì Anh T đã không quan tâm chăm sóc gia đình, không đến thăm con.

Nay Chị K xác định không còn tình cảm với Anh T, nên anh yêu cầu được ly hôn với Anh T.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị và anh thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2014 cho đến nay, vì vậy yêu cầu được ly hôn của Chị K có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung; Tên: T.B.T, sinh ngày 28/5/2006, Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị K.

Về quan hệ hôn nhân: Chị K được ly hôn với Anh T.

2. Về con chung: Giao (01) con chung tên: T.B.T (nữ), sinh ngày 28/5/2006 cho Chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Chị K không yêu cầu Anh T cấp dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở Anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 129, quyền 01/2005 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/8/2005 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0011015 ngày 04/4/2019 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị K đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.A,Q.Y;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang